TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2026/HNGĐ-ST
Ngày 18-8- 2026
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Nguyễn Bích Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. ông Trương Văn Luân
2. ông Đinh Ngọc Phức

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2026/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2026/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2026 quyết định hoãn phiên tòa số 84/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 31/7/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thúy H, sinh năm 1980

Địa chỉ: thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên.

2. *Bị đơn:* anh Đặng Văn T, sinh năm 1979

Địa chỉ: thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên.

(chị H xin vắng mặt; anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Trần Thúy H trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Đặng Văn T kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại trụ sở Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình nay là xã L, tỉnh Hưng Yên. Đến năm 2013 chị và anh T đã giải quyết ly hôn sau đó lại đăng ký kết hôn lại vào ngày 14/01/2014. Sau khi đăng ký kết hôn lại, do anh T không chịu sửa đổi, không quan tâm đến gia đình, vẫn chơi cờ bạc dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không khắc phục được. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào đầu năm 2025, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không

còn, không thể đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: chị và anh T có 02 con chung là Đặng Thị Mai H1, sinh năm 2003 và Đặng Văn K, sinh năm 2006. Hiện các con chung đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì công việc bận nên chị đề nghị Tòa án cho chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Đặng Văn T trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Trần Thúy H kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại trụ sở UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình nay là xã L, tỉnh Hưng Yên. Đến năm 2013 đã giải quyết ly hôn sau đó lại đăng ký kết hôn lại vào ngày 14/01/2014. Sau khi đăng ký kết hôn lại vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 4 năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điêm sống, không tìm được tiếng nói chung, do anh không quan tâm đến vợ con, ham chơi cờ bạc dẫn đến vợ chồng không khắc phục được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về nuôi con chung: anh và chị H có 02 con chung là Đặng Thị Mai H1, sinh năm 2003 và Đặng Văn K, sinh năm 2006. Hiện các con chung đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký Tòa án đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T1 không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thúy H và Đặng Văn T. Về nuôi con chung: không giải quyết. Về chia tài sản chung: không giải quyết. Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà. Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và tố tụng*: chị Trần Thúy H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Đặng Văn T, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đã tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh T, anh T biết việc Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đang thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T nhưng do anh T không đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị Trần Thúy H kết hôn với anh Đặng Văn T tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2014 UBND xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình nay là xã L, tỉnh Hưng Yên, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, chị H và anh T không khắc phục được đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2026 đến nay. HĐXX thấy chị H và anh T mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị H xin ly, anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng khi Tòa án tổ chức phiên hòa giải thì anh T không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải cho thấy anh T không có thiện chí hòa giải. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cần xử cho chị H được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: chị H và anh T có 02 con chung là Đặng Thị Mai H1, sinh năm 2003 và Đặng Văn K, sinh năm 2006; hiện cả 02 con chung đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] *Về chia tài sản*: chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên về nội dung giải quyết vụ án phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thúy H và anh Đặng Văn T.

2.Về nuôi con chung: không giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: chị Trần Thúy H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002841 ngày 28/5/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên (chị H đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: Trần Thúy H và anh Đặng Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Thủy

***Nơi nhận*:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND Khu vực 8;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Long Hưng;
- Lưu hồ sơ HC - TP.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thủy